[Fact DataCo Count] = Count(Fact.Fact\_ID)

# **Câu 1: Liệt kê Top 5 sản phẩm bán chạy nhất theo các năm.**

Select [Measures].[Product Quantity] on Columns

, NON EMPTY generate (

[Dim Dates].[Order Year].[Order Year],

TOPCount (

[Dim Dates].[Order Year].CurrentMember \* [Dim Products].[Product Name].[Product Name]

, 5

, [Measures].[Product Quantity]

)

) on Rows

From [Data Co Global];

# **Câu 2: Tổng doanh số bán hàng theo từng khu vực trong năm 2017, sắp xếp tăng dần theo doanh số**

Select [Measures].[Sales] on Columns

, Order(

[Dim Markets].[Market].[Market].Members

, [Measures].[Sales]

, ASC

) on Rows

From [Data Co Global]

Where [Dim Dates].[Order Year].&[2017]

# **Câu 3: Tìm ra danh mục có số lượng sản phẩm bán được cao nhất**

Select [Measures].[Product Quantity] on Columns

, TOPCount(

[Dim Products].[Category Name].[Category Name]

, 1

, [Measures].[Product Quantity]

) on Rows

From [Data Co Global]

# **Câu 4: Tính doanh thu trung bình trên 1 sản phẩm bán ra vào các quý của năm 2016, thuộc danh mục Fishing**

With member [Measures].[AvgSales]

as (SUM([Measures].[Sales]) / SUM([Measures].[Product Quantity]))

Select [Measures].[AvgSales] on Columns,

Non empty Generate([Dim Dates].[Order Quarter].[Order Quarter].Members,

Filter([Dim Dates].[Order Quarter].CurrentMember,

[Dim Products].[Category Name].&[Fishing])) on Rows

From [Data Co Global]

Where [Dim Dates].[Order Year].&[2016]

# **Câu 5: Tìm ra khách hàng có số lần mua hàng cao nhất và thấp nhất trong năm 2017**

Select [Measures].[Fact Count] on Columns,

Union(

TopCount(

[Dim Customer].[Customer ID].Children\*[Dim Customer].[Customer Name].Children

,1

,[Measures].[Fact Count]

),

BottomCount(

[Dim Customer].[Customer ID].Children\*[Dim Customer].[Customer Name].Children

,1

,[Measures].[Fact Count]

)

)on Rows

From [Data Co Global]

Where [Dim Dates].[Order Year].&[2017]

# **Câu 6: Liệt kê Top 5 sản phẩm bán chạy nhất Africa**

Select [Measures].[Product Quantity] on Columns

, Head(

Order(

[Dim Products].[Product Name].[Product Name].Members

, [Measures].[Product Quantity]

, desc

), 5

) on Rows

From [Data Co Global]

Where [Dim Markets].[Market].&[Africa]

# **Câu 7: Cho biết khu vực nào có số lượng đơn hàng bị hủy cao nhất theo từng năm.**

Select [Measures].[Fact Count] on Columns

, Generate (

[Dim Dates].[Order Year].[Order Year].Members

,TopCount(

[Dim Dates].[Order Year].CurrentMember \* [Dim Markets].[Market].[Market].Members

, 1

, [Measures].[Fact Count]

)

) on Rows

From [Data Co Global]

Where [Dim Payments].[Order Status].&[CANCELED]

# **Câu 8: Cho biết loại hình thanh toán nào được ưa chuộng nhất ở LATAM**

SELECT [Measures].[Fact Count] on Columns,

TopCount(

[Dim Payments].[Type].[Type].MEMBERS

,1

,[Measures].[Fact Count]

) on Rows

FROM [Data Co Global]

Where [Dim Markets].[Market].&[LATAM]

# **Câu 9: Liệt kê doanh số đóng góp của nhóm khách hàng ‘**Corporate**’ theo từng tháng quý, năm**

Select [Measures].[Sales] on Columns

, DrillDownLevel (

DrillDownLevel(

[Dim Dates].[PhanCapDate].[Order Year].Members

)) on Rows

From [Data Co Global]

Where [Dim Customer].[Customer Segment].&[Corporate]

# **Câu 10: Liệt kê những khách hàng có số lượng đơn hàng đã mua > 2 và < 5**

Select [Measures].[Fact Count] on Columns

, Intersect(

Filter([Dim Customer].[Customer Name].Children, [Measures].[Fact Count] > 2),

Filter([Dim Customer].[Customer Name].Children, [Measures].[Fact Count] < 5)

)on Rows

From [Data Co Global]

# **Câu 11: Liệt kê số lượng đơn hàng bán ra theo từng năm ở tất cả thị trường, trừ thị trường ‘LATAM’**

SELECT [Dim Dates].[Order Year].[Order Year].Members ON COLUMNS,

EXCEPT(

[Dim Markets].[Market].[Market].Members,

{[Dim Markets].[Market].&[LATAM]}

) ON ROWS

FROM [Data Co Global]

Where [Measures].[Fact Count]

# **Câu 12: Truy vấn ra các đơn vận chuyển có phần trăm giảm giá > 0.2 theo từng khu vực trong năm 2015, sắp xếp giảm dần theo phần trăm giảm giá.**

Select [Measures].[Discount Rate] on Columns

, Generate(

[Dim Markets].[Market].[Market].Members

, Order(

Filter(

[Dim Markets].[Market].CurrentMember \* [Dim Shipping].[Shipping ID].[Shipping ID].Members

, [Measures].[Discount Rate] > 0.2)

, [Measures].[Discount Rate]

, DESC

)) on Rows

From [Data Co Global]

Where [Dim Dates].[Order Year].&[2015];

# **Câu 13: Truy vấn ra các đơn hàng được giao đúng thời gian dự kiến**

Select [Measures].[Sales] on Columns

, TopCount (

Filter (

[Dim Shipping].[Shipping ID].[Shipping ID] \* [Dim Shipping].[Day Shipping Real].[Day Shipping Real]

, [Dim Shipping].[Day Shipping Real] = [Dim Shipping].[Day Shipment Scheduled]

)

, 10

, [Measures].[Sales]

) on Rows

From [Data Co Global]

# **Câu 14: Liệt kê Top 5 sản phẩm có số lượng bán cao nhất với ký tự bắt đầu là ‘P’, sắp xếp theo thứ tự giảm dần.**

Select [Measures].[Fact Count] on Columns

, TopCount(

Filter(

[Dim Products].[Product Name].[Product Name].Members,

Left([Dim Products].[Product Name].CurrentMember.Name, 1) = "P"

)

, 5

, [Measures].[Fact Count]

) on Rows

From [Data Co Global]

# **Câu 15: Với mỗi danh mục sản phẩm, liệt kê 3 sản phẩm có doanh số đóng góp cao nhất trong năm 2015**

Select [Measures].[Sales] on Columns

, Generate(

[Dim Products].[Category Name].[Category Name].Members

, TopCount(

[Dim Products].[Category Name].CurrentMember \* [Dim Products].[Product Name].[Product Name].Members

,3

,[Measures].[Sales]

)) on Rows

From [Data Co Global]

Where [Dim Dates].[Order Year].&[2015];